

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự toán mua thuốc bổ sung để phục vụ công tác khám, chữa bệnh và dự phòng của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước đến hết tháng 5/2017

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước tại Tờ trình số 291/TTr-TTYT ngày 12/4/2017 và đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 102/BC-SYT ngày 24/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua thuốc bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh và dự phòng của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước đến hết tháng 5/2017; cụ thể như sau:

1. Phần công việc đã thực hiện: Lập danh mục, lựa chọn quy cách kỹ thuật, giá kế hoạch; tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán; thẩm định, trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước và Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư, bên mời thầu: Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước.

3. Đơn vị ký kết và thực hiện hợp đồng mua sắm: Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước.



4. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

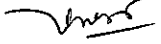
Gói thầu số	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu
1	Mua thuốc theo tên Generic (Danh mục gồm 08 mặt hàng - Phụ lục 1 kèm theo)	123.004.000 (Một trăm hai mươi ba triệu, không trăm lẻ bốn ngàn đồng).	Bao gồm nguồn NSNN, nguồn Quỹ BHYT, nguồn thu	Chỉ định thầu rút gọn	Thương thảo hợp đồng	Hợp đồng trọn gói theo từng mặt hàng thuốc (từng phần độc lập của gói thầu)	Từ khi hợp đồng có hiệu lực đến hết tháng 5/2017 hoặc đến khi Đơn vị mua thuốc tập trung tỉnh tổ chức đấu thầu mua sắm tập trung thuốc từ Quý 2/2017 đến Quý 1/2018 hoàn thành, có thông báo Thỏa thuận khung	Từ tháng 5 năm 2017
2	Mua vị thuốc cổ truyền (Danh mục gồm 22 mặt hàng - Phụ lục 2 kèm theo)	46.610.550 (Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm mười ngàn, năm trăm đồng)	dịch vụ KCB và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Mua sắm trực tiếp	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ			
Tổng giá trị 02 gói thầu:		169.614.550	(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm mười bốn ngàn, năm trăm năm chục đồng).					

- **Lý do chỉ định thầu rút gọn:** Theo quy định tại Khoản 1 và 4, Điều 79 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu.

- **Lý do mua sắm trực tiếp:** Theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Luật Đấu thầu.

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước tổ chức thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Trường hợp Đơn vị mua sắm thuốc tập trung của tỉnh tổ chức đấu thầu mua sắm tập trung thuốc hoàn thành, có thông báo cho các cơ sở y tế Thỏa thuận khung về kết quả lựa chọn nhà thầu tập trung theo quy định (tính từ thời điểm nhận được thông báo Thỏa thuận khung) thì Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước phải ngừng

 2

ngay việc thực hiện hợp đồng đã ký kết theo kết quả lựa chọn nhà thầu của mình, tiến hành thanh lý hợp đồng và thực hiện ký kết hợp đồng mua thuốc theo Thỏa thuận khung mà Đơn vị mua sắm thuốc tập trung của tỉnh ký với các nhà thầu trúng thầu cung cấp thuốc; số lượng mua sắm phải phù hợp với nhu cầu sử dụng trong thời gian chờ thông báo Thỏa thuận khung về kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung thuốc từ Quý 2/2017 đến Quý 1/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

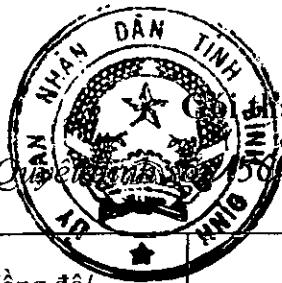
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP, K15



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1



Biên bản số 1: Mua thuốc theo tên Generic

(Kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định).

T T	Mã số đầu thầu	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Quy cách, dạng bào chế, đường dùng			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
NHÓM 3: THUỐC SẢN XUẤT TẠI CÁC CƠ SỞ ĐẠT TIÊU CHUẨN GMP-WHO ĐƯỢC BỘ Y TẾ VIỆT NAM CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN										
1	N3.30	Alpha chymotrypsin	21 microkats tương đương 4,2mg hoặc 4.200UI	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén. Viên ép trong vi.	Uống/ Ngậm dưới lưỡi	Viên	50.000	158	7.900.000
2	N3.155	Cefotaxim	1g	Hộp 1 lọ thuốc bột pha tiêm + 1 ống nước cất 4ml	Bột pha tiêm. Hộp 1 lọ thuốc bột pha tiêm + 1 ống dung môi 4ml	Tiêm	Hộp	3.000	9.996	29.988.000
3	N3.221	Colchicin	1 mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén. Viên ép trong vi.	Uống	Viên	2.000	218	436.000
4	N3.251	Drotaverin clohydrat	40mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén. Viên ép trong vi.	Uống	Viên	10.000	294	2.940.000
5	N3.528	Paracetamol	650mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén dài. Viên ép trong vi.	Uống	Viên	60.000	119	7.140.000
6	N3.559	Piracetam	800 mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên bao phim. Viên ép trong vi.	Uống	Viên	50.000	288	14.400.000
NHÓM 4: THUỐC TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC DO BỘ Y TẾ CÔNG BỐ										
7	N4.2	Acetaminophen	500mg	H/10 vi/10 viên nén bao phim	Viên nén dài bao phim. Viên ép trong vi.	Uống	Viên	50.000	420	21.000.000
8	N4.93	Trimetazidin HCl	35mg	H/2 vi/30 viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	Viên bao phim phóng thích có kiểm soát. Viên ép trong vi.	Uống	Viên	40.000	980	39.200.000
	Danh mục này gồm 08 mặt hàng.						Tổng giá trị :		123.004.000	

* Giá này đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, thuế và các chi phí khác có liên quan... đến tận kho thuốc của bên mua.

Phụ lục 2:

Gói thầu số 2: Mua vị thuốc cổ truyền

(Kèm theo Quyết định số **1564/QĐ-UBND** ngày **05 / 5/2017** của UBND tỉnh Bình Định).

STT	Mã số đầu thầu	Tên vị thuốc	Nguồn gốc	Tên khoa học của vị thuốc	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	TP1	Bạch chi	Nam	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	<i>[Angelica dahurica (fisch.ex Hoffm) Benth. et Hook.f.] - Apiaceae</i>	Túi 1kg	Kg	1	260.400	260.400
2	TP2	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Bắc	<i>Poria</i>	<i>Poria cocos (Schw.) Wolf - Polyporaceae</i>	Túi 1kg	Kg	5	504.000,0	2.520.000
3	TP3	Bạch thược	Bắc	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	<i>Paeonia lactiflora Pall. - Ranunculaceae</i>	Túi 1kg	Kg	5	504.000,0	2.520.000
4	TP4	Bạch truật	Bắc	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	<i>Atractylodes macrocephala Koidz. - Asteraceae</i>	Túi 1kg	Kg	5	840.000	4.200.000
5	TP5	Chi tử	Bắc-Nam	<i>Fructus Gardeniae</i>	<i>Gardenia jasminoides Ellis. - Rubiaceae</i>	Túi 1kg	Kg	1	458.850	458.850
6	TP6	Cúc hoa	Nam	<i>Flos Chrysanthemi indic</i>	<i>Chrysanthemum indicum L. - Asteraceae</i>	Túi 1kg	Kg	2	966.000	1.932.000
7	TP7	Đại táo	Bắc	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	<i>Ziziphus jujuba Mill. var. inermis (Bunge) Rehd. - Rhamnaceae</i>	Túi 1kg	Kg	5	278.250	1.391.250
8	TP8	Đỗ trọng	Bắc	<i>Cortex Eucommiae</i>	<i>Eucommia ulmoides Oliv. - Eucommiaceae</i>	Túi 1kg	Kg	5	457.800,0	2.289.000
9	TP9	Hà thủ ô đỏ	Bắc	<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>	<i>Fallopia multiflora (Thunb.) Haraldson Syn. Polygonum multiflorum Thumb)- Polygonaceae</i>	Túi 1kg	Kg	5	467.250	2.336.250
10	TP10	Long nhãn	Nam	<i>Arillus Longan</i>	<i>Dimocarpus longan Lour. - Sapindaceae</i>	Túi 1kg	Kg	2	435.750	871.500
11	TP11	Mẫu đơn bì	Bắc	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>	<i>Paeonia suffruticosa Andr. - Paeoniaceae</i>	Túi 1kg	Kg	1	645.750	645.750
12	TP12	Quế chi	Nam	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	<i>Cinnamomum sp. - Lauraceae</i>	Túi 1kg	Kg	1	162.750	162.750

STT	Mã số đầu thầu	Tên vị thuốc	Nguồn gốc	Tên khoa học của vị thuốc	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
13	TP13	Quế nhục	Nam	<i>Cortex Cinnamomi</i>	<i>Cinnamomum spp. - Lauraceae</i>	Túi 1kg	Kg	1	257.250	257.250
14	TP14	Lức (Sỏi hồ nam)	Nam	<i>Radix Pluchaeae pteropodae</i>	<i>Bupleurum spp - Apiaceae</i>	Túi 1kg	Kg	2	249.900	499.800
15	TP15	Sơn thù	Bắc	<i>Fructus Corni officinalis</i>	<i>Cornus officinalis Sieb. et Zucc. - Cornaceae</i>	Túi 1kg	Kg	1	829.500	829.500
16	TP16	Táo nhân	Bắc	<i>Semen Ziziphi mauritanae</i>	<i>Ziziphus mauritiana Lamk. - Rhamnaceae</i>	Túi 1kg	Kg	6	1.312.500	7.875.000
17	TP17	Trạch tả	Bắc	<i>Rhizoma Alismatis</i>	<i>Alisma plantago-aquatica L. var. orientale Sam.-Alismataceae</i>	Túi 1kg	Kg	2	430.500	861.000
18	TP18	Trần bì	Nam	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	<i>Citrus reticulata Blanco – Rutaceae</i>	Túi 1kg	Kg	8	173.250	1.386.000
19	TP19	Tục đoạn	Nam	<i>Radix Dipsaci</i>	<i>Dipsacus japonicus Miq. - Dipsacaceae</i>	Túi 1kg	Kg	8	498.750	3.990.000
20	TP20	Viễn chí	Bắc	<i>Radix Polygalae</i>	<i>Polygala spp. – Polygalaceae</i>	Túi 1kg	Kg	3	1.785.000	5.355.000
21	TP21	Xuyên khung	Bắc	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	<i>Ligusticum wallichii Franch. – Apiaceae</i>	Túi 1kg	Kg	7	813.750	5.696.250
22	TP22	Ý dĩ	Nam	<i>Semen Coicis</i>	<i>Coix lachryma-jobi L. – Poaceae</i>	Túi 1kg	Kg	1	273.000	273.000
Danh mục này gồm 22 mặt hàng.								Tổng giá trị	46.610.550	

* Giá này đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, thuế và các chi phí khác có liên quan...đến tận kho thuốc của bên mua.